

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805103] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2305C)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,7	7,0	6,9
2	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,1	7,0	6,6
3	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,1	7,5	6,9
4	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,1	9,5	8,9
5	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,2	8,5	8,4
6	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,5	8,5	8,5
7	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,1	7,0	6,6
8	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,0	7,5	6,9
9	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,4	5,0	6,4
10	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	7,8	8,5	8,2
11	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	9,3	10	9,7
12	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,2	7,0	6,7
13	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,5	9,0	8,8
14	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	5,2	6,0	5,7
15	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	5,1	6,0	5,6
16	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C				
17	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	6,6	7,5	7,1
18	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	<i>(Signature)</i>	8,2	9,0	8,7
19	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805104] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2305D)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi:18....

Số tờ giấy thi: 18..

Mai Văn Lê sinh
phạm Toàn sinh
Mai Văn Lê sinh
phạm Toàn sinh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		8,0	9,5	8,9
2	2123050190	Trần Hữu Nam	Khánh	19/11/2005	CCQ2305D		6,5	5,0	5,6
3	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D		8,2	8,0	8,1
4	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D				
5	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D		5,1	7,5	6,5
6	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		7,1	8,0	7,6
7	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D		7,8	9,0	8,5
8	2123050147	Phạm Huỳnh	Phúc	18/02/2005	CCQ2305D		6,5	7,5	7,1
9	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B		6,4	8,0	7,4
10	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		6,7	5,0	5,7
11	2123050158	Quảng Đại	Sang	19/10/2005	CCQ2305D		8,0	6,0	6,8
12	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	CCQ2305D		4,8	7,0	6,1
13	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	CCQ2305D		8,3	9,5	9,0
14	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D		7,8	8,5	8,2
15	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		7,1	7,0	7,0
16	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	CCQ2305D		5,1	5,0	5,0
17	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	CCQ2305D		5,4	5,0	5,2
18	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D		7,8	8,0	7,9
19	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D		7,8	6,0	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22805107] - Thí nghiệm máy điện
(CCQ2305C)
CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: 16
Số tờ giấy thi: 16

Handwritten signatures and names of examiners and supervisors, including Mai Văn Lê, Phạm Toàn, and others.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D		AN	5,2	5,0	5,1
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	29/10/2005	CCQ2305D					
3	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D					
4	2123050171	Não Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D		Diên	5,3	7,0	6,1
5	2123050217	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D		Duy	7,4	7,5	7,5
6	2123050167	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D		Duy	6,8	8,5	7,8
7	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D		Duy	7,5	7,5	7,5
8	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C		Quân	8,5	7,0	7,6
9	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C		Quang	7,9	8,0	8,0
10	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C		Quốc	6,4	8,5	7,7
11	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C		Tân	7,4	8,0	7,8
12	2123050120	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C		Thành	5,3	7,5	6,6
13	2123050097	Nguyễn Văn Thông	01/11/2005	CCQ2305C					
14	2123050132	Nguyễn Đức Toàn	17/02/2003	CCQ2305C		Toàn	6,8	8,0	7,5
15	2123050102	Nguyễn Quốc Tuấn	05/05/2005	CCQ2305C		Tuấn	8,3	8,5	8,4
16	2123050114	Trần Minh Trọng	22/12/2005	CCQ2305C		Trọng	5,8	7,0	6,5
17	2123050093	Bùi Duy Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C		Tuấn	6,3	7,5	7,0
18	2123050123	Trần Nhật Tường	12/08/2005	CCQ2305C		Tường	8,1	8,0	8,0
19	2123050106	Phạm Long Vũ	13/02/2005	CCQ2305C		Vũ	8,9	7,0	7,8